

# THỦ TỤC CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH TẠI VIỆT NAM PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI - PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

Th.S PHẠM THỊ HẰNG

Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC

**G**ải quyết tranh chấp thương mại thông qua “con đường” trọng tài là một thông lệ quốc tế và được nhiều nước trên thế giới lựa chọn do tính linh hoạt và hiệu quả của phương thức trọng tài. Việc công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài có một ý nghĩa quan trọng, đảm bảo khả năng thi hành phán quyết Trọng tài cũng như tránh tình trạng về cùng một vụ việc nhưng lại bị xét xử hai lần. Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện các quy định về thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài cho thấy có nhiều vướng mắc, bất cập.

## 1. Khái quát các quy định của pháp luật Việt Nam về thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài

### 1.1. Các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia

Cho đến nay, Việt Nam đã ký kết hiệp định song phương về tương trợ tư pháp có quy định liên quan đến công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài với 14 nước, bao gồm: Liên bang Nga, Séc, Xlôvakia, Ba Lan, Hungari, Bungari, Cu Ba, CHDCND Lào, Trung Quốc, CHDCND Triều Tiên, Ucraina, Belarut, Pháp, Mông Cổ.

Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài, với 157 quốc gia thành viên<sup>1</sup>, đã được Việt Nam phê chuẩn ngày 12/9/1995 và có hiệu lực ngày 11/12/1995 theo Quyết định số 453/QĐ-CTN ngày 28-07-1995 của Chủ

tịch nước. Việc công nhận và thi hành các phán quyết của Trọng tài nước ngoài hiện nay được hầu hết các nước áp dụng theo Công ước New York năm 1958. Trong các hiệp định tương trợ tư pháp mà nước ta ký thời gian gần đây (Hiệp định với Nga, Trung Quốc, Pháp) cũng quy định đối với việc công nhận và thi hành các phán quyết của Trọng tài thực hiện theo các quy định của Công ước này.

Công ước New York đã thiết lập một “mức sàn” tối thiểu mang tính nền tảng mà mọi quốc gia thành viên đều phải tuân thủ khi đã tham gia ký kết hoặc phê chuẩn. Tinh thần chung của Công ước là ủng hộ trọng tài, đồng thời khuyến khích các nước thành viên tạo điều kiện thuận lợi để việc công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại nước thành viên đó được dễ dàng, nhanh chóng. Pháp luật quốc gia không được áp đặt những điều kiện phức tạp hơn liên quan đến việc công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài chịu sự điều chỉnh của Công ước New York so với việc công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài trong nước.

Khi tham gia Công ước, Việt Nam đã tuyên bố 3 điểm bảo lưu:

- *Thứ nhất*, chỉ áp dụng Công ước đối với việc công nhận và thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài được tuyên tại lãnh thổ của các quốc gia thành viên của Công ước; đối với phán quyết của Trọng tài nước ngoài tuyên tại lãnh thổ của quốc gia chưa ký kết hoặc tham gia Công ước, Công ước được áp dụng tại Việt Nam theo nguyên tắc có đi có lại;

<sup>1</sup> [http://www.uncitral.org/uncitral/en/uncitral\\_texts/arbitration/NYConvention\\_status.html](http://www.uncitral.org/uncitral/en/uncitral_texts/arbitration/NYConvention_status.html).

- *Thứ hai*, chỉ áp dụng Công ước đối với tranh chấp phát sinh từ các quan hệ pháp luật thương mại;

- *Thứ ba*, mọi sự giải thích Công ước trước Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Việt Nam phải tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

### **1.2. Pháp luật trong nước**

Văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên về quy định trực tiếp vấn đề Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài là Pháp lệnh Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài, được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 14/9/1995 trên cơ sở các quy định của Công ước New York và Quyết định số 453/QĐ-CTN của Chủ tịch nước về việc tham gia Công ước về công nhận và thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài. Pháp lệnh đã quy định về các vấn đề liên quan đến công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài như: Các quyết định của Trọng tài nước ngoài được công nhận và cho thi hành; các nguyên tắc công nhận và thi hành; trình tự thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài. Bên cạnh đó, Pháp lệnh còn quy định về các vấn đề khác như: Quyền kháng cáo, kháng nghị; về lệ phí; về đảm bảo việc chuyển tiền và tài sản thi hành quyết định; v.v.

Ngày 15/6/2004, Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 5 đã thông qua BLTTDS (được sửa đổi, bổ sung năm 2011), trên cơ sở kế thừa và phát triển các quy định của Pháp lệnh Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Ngày 25/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLTTDS mới thay thế BLTTDS năm 2004, trong đó, các quy định liên quan đến việc công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài được hoàn thiện theo hướng khắc phục những vướng mắc, bất cập trong quá trình thi hành BLTTDS năm 2004, nội luật hóa tương đối đầy đủ và cụ thể tinh thần của Công ước New York và các Điều ước quốc tế có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc công

nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam. Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài được quy định tại 02 chương của Phần thứ bảy của BLTTDS năm 2015, cụ thể:

- Chương XXXV: Quy định chung về thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc không công nhận bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài; công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài;

- Chương XXXVII: Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài.

Bên cạnh các văn bản quy phạm pháp luật trực tiếp thì còn có một số văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến việc công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài, như: Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Đầu tư năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành; các quy định của pháp luật về lệ phí Tòa án.

## **2. Thực tiễn giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Tòa án nhân dân**

### **2.1. Tình hình thụ lý và giải quyết các yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài**

Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, trong thời gian gần 10 năm thi hành BLTTDS năm 2004 (từ ngày 01/01/2005 đến ngày 20/6/2014), các Tòa án tỉnh, thành phố trong cả nước đã nhận được 53 đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (quyết định của Trọng tài các nước như: Đức, Trung Quốc, Singapore, Anh, Nga,...); trong đó, tổng số yêu cầu được Tòa án ra quyết định công nhận và cho thi hành là 23/53 đơn yêu cầu (chiếm tỷ lệ 43,4%), không công nhận là 25/53 đơn (chiếm tỷ lệ 47,2%), số vụ việc bị đình chỉ giải quyết là 02/53 (chiếm tỷ lệ 3,8%), số vụ việc đang giải quyết là 03/53 (chiếm tỷ lệ 5,7%). So sánh với tỷ lệ công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài ở các nước khác thì tỷ lệ công nhận và

cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài của Việt Nam là rất thấp (Nhật Bản là 100%; Anh là 98%; Mỹ là 90%; Pháp, Hà Lan rất hiếm các trường hợp bị từ chối công nhận và cho thi hành).

Kết quả giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam của các Tòa án tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

STT	Tòa án giải quyết (Tòa án cấp tỉnh)	Số vụ việc được yêu cầu	Số quyết định không công nhận	Tỷ lệ không công nhận/số vụ việc được yêu cầu	Số quyết định công nhận và cho thi hành	Số vụ việc đã bị đình chỉ giải quyết	Số vụ việc đang được giải quyết
1	TP. Hồ Chí Minh	21	05	24%	16	0	0
2	TP. Hà Nội	11	09	82%	01	01	0
3	TP. Cần Thơ	01	0	0%	01	0	0
4	An Giang	01	0	0%	01	0	0
5	Long An	02	02	100%	0	0	0
6	Hưng Yên	02	02	100%	0	0	0
7	Nam Định	03	01	33%	0	0	02
8	Hà Nam	01	0	0%	0	0	01
9	Đồng Nai	01	0	0%	01	0	0
10	Bà Rịa Vũng Tàu	01	0	0%	01	0	0
11	Thái Bình	02	02	100%	0	0	0
12	Bình Thuận	01	0	0%	0	01	0
13	Phú Thọ	02	0	0%	02	0	0
14	Bình Dương	04	04	100%	0	0	0
<b>Tổng số</b>		<b>53</b>	<b>25</b>	<b>47,2%</b>	<b>23</b>	<b>02</b>	<b>03</b>

*Bảng 1: Số liệu về giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ ngày 01/01/2005 đến ngày 20/6/2014<sup>2</sup>.*

Bảng thống kê trên cho thấy, số đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài là không nhiều (trong 10 năm, cả nước chỉ giải quyết hơn năm mươi đơn yêu cầu), trong đó, tỷ lệ số đơn yêu cầu không công nhận chiếm tỷ lệ cao (47,2%).

Số lượng đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài là không đồng đều giữa các năm, tăng mạnh từ năm 2012 đến năm 2014, nhưng giảm

mạnh từ năm 2015 đến nay. Bảng số liệu của 8 năm gần đây (từ năm 2010 đến năm 2017) thể hiện rõ điều này, cụ thể như sau:

Thời gian	Số vụ việc phải giải quyết (đã thụ lý)	Số vụ việc đã đình chỉ giải quyết hoặc chuyển hồ sơ	Công nhận thỏa thuận của đương sự	Số vụ việc đã giải quyết	Số vụ việc chưa giải quyết
Năm 2010	03	0	0	03	0
Năm 2011	02	0	0	0	02
Năm 2012	16	01	04	10	01
Năm 2013	27	02	0	17	08
Năm 2014	14	02	0	11	01
Năm 2015	05	01	0	02	02
Năm 2016	11	03	0	02	06
6 tháng đầu năm 2017	06	0	01	01	04
<b>Tổng cộng</b>	<b>84</b>	<b>09</b>	<b>05</b>	<b>46</b>	<b>24</b>

*Bảng 2. Thống kê thụ lý và giải quyết các yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài từ năm 2010 đến tháng 6 năm 2017<sup>3</sup>.*

## 2.2. Đối với các trường hợp Tòa án không công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài

Tổng hợp các trường hợp không công nhận phán quyết của Trọng tài nước ngoài, tác giả nhận thấy, Tòa án thường căn cứ vào Điều 370 BLTTDS năm 2004 để từ chối yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài, điển hình là các căn cứ sau:

2.2.1. Các bên ký kết thỏa thuận trọng tài không có năng lực để ký kết thỏa thuận đó theo pháp luật được áp dụng cho mỗi bên - điểm a khoản 1 Điều 370 BLTTDS năm 2004 (điểm a khoản 1 Điều 459 BLTTDS năm 2015)

Trong các quyết định của Tòa án mà không

<sup>2</sup>Bảng số liệu này được tổng hợp từ báo cáo của các Tòa án địa phương gửi về Tòa án nhân dân tối cao theo Công văn số 35/TANDTC-KHXX ngày 25/02/2014 về việc báo cáo số liệu thống kê về tình hình hủy phán quyết Trọng tài, công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài và Công văn số 124/TANDTC-KHXX ngày 22/7/2014 về việc Tổng kết việc thi hành BLTTDS năm 2004.

<sup>3</sup>Bảng số liệu này do Tòa án nhân dân tối cao thống kê, tổng hợp hằng năm.

chấp nhận yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài với căn cứ là người ký kết không có thẩm quyền ký kết cho thấy, nhiều trường hợp người ký kết thỏa thuận trọng tài của pháp nhân Việt Nam đã được Hội đồng xét đơn đánh giá là ký kết vượt quá thẩm quyền. Ví dụ, trường hợp *Tòa án tỉnh B đã không công nhận yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài của Công ty DHN với lý do bên tham gia ký kết thỏa thuận trọng tài không có năng lực ký kết thỏa thuận. Cụ thể, Tổng giám đốc Công ty DHN đã ký hợp đồng vượt quá phạm vi giá trị được ủy quyền (hơn 30% vốn điều lệ), vì theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty về việc phân cấp ủy quyền thì Tổng giám đốc không được ký kết các hợp đồng vượt quá 30% vốn Điều lệ.*

2.2.2. *Cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thi hành không được thông báo kịp thời và hợp thức về việc chỉ định Trọng tài viên, về thủ tục giải quyết vụ tranh chấp tại Trọng tài nước ngoài-* điểm c khoản 1 Điều 370 BLTTDS năm 2004 (điểm c khoản 1 Điều 459 BLTTDS năm 2015)

Trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng thương mại, bên phải thi hành (bên Việt Nam) thường sử dụng hai địa chỉ thư điện tử (email) để liên lạc, đó là: Email của pháp nhân và email của nhân viên doanh nghiệp - người trực tiếp liên lạc. Tuy nhiên, khi Hội đồng Trọng tài giải quyết tranh chấp gửi thông báo cho bên Việt Nam (đơn khởi kiện, tài liệu liên quan, thông báo thời gian, địa điểm Hội đồng trọng tài họp...) thì không nhận được phản hồi. Tòa án cho rằng, đối với trường hợp này, bên phải thi hành không được thông báo kịp thời và hợp thức về thủ tục giải quyết vụ tranh chấp tại Trọng tài nước ngoài để từ chối việc công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài.

2.2.3. *Việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam* - điểm b khoản 2 Điều 370 của BLTTDS năm 2004 (điểm b khoản 2 Điều 459 của BLTTDS năm 2015)

Qua nghiên cứu các quyết định không công

nhận phán quyết của Trọng tài nước ngoài cho thấy, Tòa án thường áp dụng căn cứ "*việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*" trong hai trường hợp sau:

- *Trường hợp thứ nhất*, vi phạm các quy định về pháp luật nội dung, pháp luật áp dụng cho việc giải quyết tranh chấp hợp đồng giữa các bên được coi là vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; có trường hợp, trong Quyết định của Tòa án còn viện dẫn cả việc vi phạm đối với Nghị định, Thông tư hướng dẫn luật để nhận định về việc vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Điều này đã dẫn đến việc Tòa án xem lại nội dung của tranh chấp đã được giải quyết bởi Trọng tài.

- *Trường hợp thứ hai*, trái với quy định của pháp luật Việt Nam được coi là trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, kể cả trường hợp vi phạm các căn cứ khác về không công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài cũng được coi là vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

### **3. Kiến nghị, đề xuất hướng dẫn áp dụng thống nhất một số quy định của BLTTDS năm 2015 về thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài**

Căn cứ thực tiễn xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài và để có sự nhận thức, thực hiện pháp luật thống nhất, tác giả thấy cần có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về một số nội dung của BLTTDS năm 2015 về thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài, cụ thể là các vấn đề sau đây:

#### **3.1. Về nghĩa vụ chứng minh và cung cấp chứng cứ của các bên đối với việc Tòa án xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài**

Nghĩa vụ chứng minh của người phải thi hành đối với trường hợp phản đối yêu cầu của bên được thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 459 của BLTTDS năm 2015: "*Tòa án không công nhận phán quyết của Trọng tài nước ngoài khi xét thấy chứng cứ do bên phải*

thi hành cung cấp cho Tòa án để phản đối yêu cầu công nhận là có căn cứ, hợp pháp và phán quyết trọng tài thuộc một trong các trường hợp sau đây...” cần được hướng dẫn cụ thể, theo đó, Tòa án sẽ không tự mình xem xét đến các trường hợp này, trừ khi bên phản đối việc thi hành phán quyết cung cấp được các chứng cứ có căn cứ và hợp pháp chứng minh cho phản đối của mình. Tòa án cũng không tự thu thập chứng cứ hay yêu cầu bên yêu cầu công nhận và cho thi hành cung cấp chứng cứ chứng minh để bác bỏ về các trường hợp bị bên phải thi hành phản đối.

### **3.2. Về năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài của các bên**

Cần hướng dẫn áp dụng thống nhất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 459 BLTTDS năm 2015 về trường hợp các bên ký kết thỏa thuận trọng tài không có năng lực để ký kết thỏa thuận đó theo pháp luật được áp dụng cho mỗi bên, đặc biệt là trường hợp giao dịch dân sự được ký kết do người không có thẩm quyền đại diện xác lập hoặc vượt quá thẩm quyền vẫn có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 142 và khoản 1 Điều 143 BLDS năm 2015. Ngoài ra, cũng cần hướng dẫn rõ về pháp luật áp dụng để xem xét năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài của các bên để tránh trường hợp Tòa án áp dụng pháp luật Việt Nam để xem xét năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài của bên nước ngoài.

### **3.3. Về việc cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thi hành không được thông báo kịp thời và hợp thức về việc chỉ định Trọng tài viên, về thủ tục giải quyết vụ tranh chấp tại Trọng tài nước ngoài**

Cần hướng dẫn cụ thể về việc “thông báo kịp thời và hợp thức” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 459 BLTTDS năm 2015, theo đó, nếu Trọng tài giải quyết vụ việc không gửi thông báo hoặc gửi không đúng địa chỉ của người phải thi hành, dẫn đến người phải thi hành không nhận được thông báo về việc chỉ định Trọng tài viên, về thủ tục giải quyết vụ tranh chấp tại Trọng tài dẫn đến không chọn được Trọng tài viên hoặc đề nghị chỉ định Trọng tài viên,... Trường hợp không nhận được thông báo do lỗi của bên phải thi hành, như chuyển địa chỉ mà không thông

báo cho bên được thi hành... thì không được coi là bên phải thi hành không được thông báo kịp thời và hợp thức về việc chỉ định Trọng tài viên, về thủ tục giải quyết vụ tranh chấp tại Trọng tài nước ngoài.

### **3.4. Về nơi nhận đơn và tài liệu kèm theo yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài**

Cần hướng dẫn áp dụng quy định về nơi tiếp nhận đơn yêu cầu và tài liệu kèm theo quy định tại Điều 451 BLTTDS năm 2015 trong trường hợp hiệp định tương trợ tư pháp quy định không rõ về cơ quan tiếp nhận đơn yêu cầu (như Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với Triều Tiên, với Nga, với Hungary) thì hồ sơ công nhận và cho thi hành có thể được nộp trực tiếp tại Tòa án có thẩm quyền hay không hoặc nếu hiệp định tương trợ tư pháp quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Bộ Tư pháp nhưng người yêu cầu nộp đơn yêu cầu tại Tòa án thì Tòa án xử lý như thế nào. Đối với trường hợp này, nên có hướng dẫn áp dụng pháp luật theo hướng, Tòa án nên tiếp nhận hồ sơ và thông báo cho Bộ Tư pháp biết vì Tòa án là cơ quan trực tiếp giải quyết vụ việc. Việc Tòa án tiếp nhận đơn trực tiếp là tạo điều kiện thuận lợi cho người yêu cầu.

### **3.5. Về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài**

Khoản 6 Điều 462 BLTTDS năm 2015 quy định thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài bằng cách viện dẫn đến thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm áp dụng đối với giải quyết vụ án dân sự (được quy định từ Điều 325 đến Điều 357 BLTTDS năm 2015). Do đó, để áp dụng được các quy định của thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm của vụ án dân sự cho việc xem xét lại quyết định của Tòa án giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài thì cần có hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền về vấn đề này. □